

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI -TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thiêm, bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2022/TLST- HNGĐ ngày 02-6-2022 về: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-7-2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 25/2022/TB- HNGĐ ngày 23-8-2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 198x.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quang T1, sinh năm 198x.

Cùng địa chỉ: Tổ 8, phường YT, thành phố YB, tỉnh YB.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 31-5-2022, chị Nguyễn Thị Mai T trình bày:

Chị và anh Trần Quang T1 đăng ký kết hôn ngày 16-5-2012 tại Ủy ban nhân dân phường YT, thành phố YB, tỉnh YB trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T1 không tu chí làm ăn, mãi chơi dẫn đến nợ nần, không quan tâm đến vợ con và không có đóng góp cho kinh tế gia đình khiến cuộc sống gặp nhiều khó khăn. Bản thân chị và anh T1h cũng như gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có hai con chung là cháu Trần Quang M, sinh ngày 09-x-2013 và cháu Trần Minh T2, sinh ngày 23-x-2020. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai T được ly hôn anh Trần Quang T1; Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Quang M, sinh ngày 09-x-2013 và cháu Trần Minh T2, sinh ngày 23-x-2020 cho đến khi cháu M, cháu T2 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn anh Trần Quang T1 có nơi cư trú tại tổ x, phường YT, thành phố YB, tỉnh YB. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn- chị Nguyễn Thị Mai T vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn- anh Trần Quang T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Trần Quang T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường YT, thành phố YB, tỉnh YB ngày 16-5-2012 là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021 do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T1 mãi chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần tiền bạc, không có đóng góp cho kinh tế gia đình và không quan tâm đến vợ con. Anh T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, thể hiện việc anh T1 không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh T1.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là cháu Trần Quang M, sinh ngày 09-x-2013 và cháu Trần Minh T2, sinh ngày 23-x-2020. Chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng được được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con của chị T là chính đáng. Hiện nay, hai cháu đều đang ở cùng chị T, quá trình giải quyết vụ án, cháu M đã có đơn nguyện vọng được ở với mẹ. Về điều kiện nuôi dưỡng, chị T hiện đang công tác tại Công ty cổ phần phát triển y tế Việt TA, thành phố YB với thu nhập dao động từ 6.900.000 đồng đến 7.400.000 đồng/tháng. Anh T1 không đến tham gia

tổ tụng, không có ý kiến gì về việc nuôi con nên giao cháu Trần Quang M và cháu Trần Minh T2 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Thành không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mai T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Trần Quang T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai T được ly hôn anh Trần Quang T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mai T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Quang M, sinh ngày 09-x-2013 và cháu Trần Minh T2, sinh ngày 23-x-2020 cho đến khi cháu M và cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0000263 ngày 01-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Trần Quang T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh ;
- VKSND tp.Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. Yên Thịnh, TP Yên Bái;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tạ Thị Kim Anh